

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2023

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung V - P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thuý và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 30A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị V**, sinh năm 1985; ĐKKH: Tổ 2, phường H, thành phố TB, tỉnh Thái Bình; Hiện đang ở: Số nhà 198, đường T, tổ 3, phường L, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Bùi Công P**, sinh năm 1990; ĐKKH: Thôn 3 L1, xã P1, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Hiện đang thi hành án tại Trại giam TL đóng tại thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo quyết định thi hành án phạt tù của bản án số 08/2022/HSST ngày 09/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

(Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Công P kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T1, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/01/2019. Sau khi kết hôn chị V và anh P cùng chung sống ở gia đình nhà chồng tại thôn 3 L1, xã P1, huyện T1 đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng có quan điểm sống không phù hợp nên phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình, trong bàn bạc kinh tế và nuôi dạy con cái nên thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Vợ

chồng anh chị đã nhiều lần ngồi cùng nhau hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng, từ tháng 7/2021 anh chị đã ly thân đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân chị V không còn tình cảm trong hôn nhân nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn anh Phúc.

Về con chung: Chị và anh P có một con chung là cháu Bùi Bằng T2, sinh ngày 20/12/2018, hiện nay con chung đang ở với chị. Ly hôn, chị V đề nghị Tòa án giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng và chị V không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị V trình bày anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Vì lý do công việc nên chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai đề ngày 01/8/2023 bị đơn anh Bùi Công P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh khi kết hôn như chị V trình bày là đúng. Theo anh P, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận đến năm 2021 thì sống ly thân đến giờ. Nay chị V làm đơn ly hôn anh không đồng ý ly hôn nếu anh không được quyền nuôi con, anh P không đưa được ra các giải pháp đoàn tụ gắn kết tình cảm của hai vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung như chị V trình bày, ly hôn anh P nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung tuy nhiên do anh đang chấp hành án nên sau khi chấp hành án xong anh sẽ làm đơn thay đổi quyền nuôi con và anh cũng không đồng ý Tòa án để quyền nuôi con cho một mình chị V.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có nợ chung, không có tài sản chung, anh không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản.

Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2023, Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T1 cùng đại diện cơ sở thôn cung cấp thông tin như sau:

Anh Bùi Công P, sinh ngày 15/6/1990 có số căn cước công dân là 034090006xxx do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 28/6/2017 là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn 3 L1, xã P1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Anh P hiện đang chấp hành án tại Trại giam TL, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chị V và anh P có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T1, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2019 ngày 25/01/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo địa phương nắm được là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình trạng cãi vã và hai anh chị sống ly thân nhau từ năm 2021 còn nguyên nhân cụ thể nào khác địa phương không nắm được. Quan điểm của địa phương về việc chị V xin ly hôn anh P là đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, còn trong trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng và các bên đương sự đã sống ly thân, chị V kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải

quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: V và anh P có một con chung như thông tin anh chị đã trình bày. Tuy con chung được sinh ra trước thời kỳ hôn nhân của hai anh chị nhưng chị V và anh P đã thực hiện đăng ký kết hôn và đăng ký khai sinh vào cùng một ngày, trong giấy khai sinh đều thể hiện tên bố mẹ đẻ là chị V và anh P và thực tế chị V và anh P đều thừa nhận đây là con chung của hai vợ chồng. Hiện nay cháu T2 đang ở cùng với chị V do anh P đi chấp hành án. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật, hoàn cảnh của anh P và chị V để giải quyết đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu T2. Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay không có thông tin phản ánh tại địa phương về việc chị V và anh P có vay nợ chung tổ chức, cá nhân nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Vân được ly hôn anh Phúc; Về quan hệ con chung: Giao con Bùi Băng T2, sinh ngày 20/12/2018 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận đề nghị của chị V không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh P đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P1, huyện T1, tỉnh Thái Bình, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú mà chỉ đang chấp hành án tại Trại giam TL, tỉnh Thanh Hóa vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T1, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2019 ngày 25/01/2019. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị V trình bày là do hai vợ chồng có quan điểm sống không phù hợp nên phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình, trong bàn bạc kinh tế và nuôi dạy con cái nên thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị đã nhiều lần ngồi cùng nhau hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng, từ tháng 7/2021 anh chị đã ly thân đến nay, chị thấy cuộc hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện và anh chị không hồi han, quan tâm đến nhau cũng không thể hàn gắn

được quan hệ hôn nhân. Tại các văn bản gửi đến Tòa án, anh P trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn nhưng không lý giải được nguyên nhân vợ chồng ly thân không còn tình cảm, bản thân anh Phúc không muốn ly hôn chỉ vì anh không được nuôi con chứ không vì mục đích muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh cũng không đưa ra được các giải pháp đoàn tụ hoặc mong muốn nguyện vọng đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ để hai vợ chồng quay lại với nhau, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng của chị V và anh P thực sự có mâu thuẫn không thể giải quyết, hai bên không có sự sẻ chia, quan tâm đến nhau khiến cho đời sống hôn nhân của anh chị không có tiến triển, chị V vẫn kiên quyết ly thân và xin ly hôn anh P. Qua xác minh tại địa phương nơi chị V và anh P có thời gian ngắn cùng sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng bất đồng quan điểm và ly thân nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh P đã ở mức trầm trọng, không tin tưởng nhau, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, chị V cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị V được ly hôn anh P là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị V và anh P có một con chung là cháu Bùi Bằng T2, sinh ngày 20/12/2018. Ly hôn cả chị V và anh P đều có nguyện vọng muốn nuôi con. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh cũng như khả năng tài chính của anh P hiện nay đang phải chấp hành án trong trại giam TL nên không có điều kiện để đảm bảo cho cháu T2 có một môi trường sống, học tập và phát triển một cách tốt nhất về thể chất và tinh thần. Bản thân anh P cũng xác định anh muốn nuôi con nhưng hiện đang chấp hành án nên sau khi chấp hành án xong anh sẽ thực hiện quyền thay đổi nuôi con tức là anh P đã xác định mình không có khả năng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 khi đang chấp hành án. Căn cứ vào thông tin cung cấp của Ủy ban nhân dân xã P1, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu T2 cả về thể chất lẫn tinh thần, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Bùi Bằng T2 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị V không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Cả chị V và anh P đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị V và anh P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị V được ly hôn anh Bùi Công P.

2. Về con chung: Chị V và anh P có một con chung là Bùi Bằng T2, sinh ngày 20/12/2018. Giao cho chị Lê Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Bằng T2, chị V không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị V đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005378 ngày 10/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, nghĩa vụ nộp án phí chị V đã thực hiện xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị V và anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã P1;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh